

SỞ GD&ĐT QUẢNG TRỊ	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024 – 2025 MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 12
--------------------	---

PHẦN I: CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

- Câu 1:** Nhận định nào sau đây **không** phải đặc điểm của vị trí địa lí nước ta?
- A. Nằm ở trung tâm khu vực Đông Nam Á.
B. Nằm ở rìa phía đông bán đảo Đông Dương.
C. Nằm hoàn toàn trong khu vực nội chí tuyến.
D. Nằm ở phía tây Thái Bình Dương.
- Câu 2:** Phần ngầm dưới biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần lục địa kéo dài, mở rộng ra ngoài lãnh hải cho đến bờ ngoài của rìa lục địa, có độ sâu khoảng 200m hoặc hơn nữa là
- A. thềm lục địa. B. tiếp giáp lãnh hải. C. lãnh hải. D. đặc quyền kinh tế.
- Câu 3:** Gió mùa mùa hạ hoạt động ở đồng bằng Bắc Bộ có hướng chủ yếu là
- A. tây nam. B. đông nam. C. đông bắc. D. tây bắc.
- Câu 4:** Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất nào sau đây?
- A. Công nghiệp. B. Nông nghiệp. C. Du lịch. D. Giao thông vận tải.
- Câu 5:** Sự phân hóa thiên nhiên của vùng núi Đông Bắc và Tây bắc chủ yếu là do
- A. phân bố của các kiểu thảm thực vật. B. sự phân bố độ cao địa hình.
C. tác động của gió mùa và hướng núi. D. ảnh hưởng của biển Đông.
- Câu 6:** Khu vực chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió phơn Tây Nam là
- A. Tây Bắc. B. Đông Bắc. C. Tây Nguyên. D. Bắc Trung Bộ.
- Câu 7:** Phát biểu nào sau đây **không đúng** với khí hậu của phần lãnh thổ phía Nam nước ta (từ dãy Bạch Mã trở vào)?
- A. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn. B. Phân hóa hai mùa mưa và khô rõ rệt.
C. Nhiệt độ trung bình năm trên 25⁰C. D. Nền nhiệt độ thiên về khí hậu xích đạo.
- Câu 8:** Đại cao cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở miền Bắc hạ thấp hơn so với miền Nam chủ yếu vì
- A. có nền nhiệt độ thấp hơn. B. có nền nhiệt độ cao hơn.
C. có nền địa hình thấp hơn. D. có nền địa hình cao hơn.
- Câu 9:** Sự khác nhau về chế độ mưa giữa vùng núi Tây Bắc và vùng núi Đông Bắc chủ yếu do tác động kết hợp của
- A. gió mùa Đông Bắc, gió mùa Tây Nam và các dãy núi hướng vòng cung.
B. bão, dải hội tụ nhiệt đới, Tín phong bán cầu Bắc và độ dốc các sườn núi.
C. vị trí gần hay xa biển và độ cao của các đỉnh núi, hướng của các dãy núi.
D. gió theo hướng tây nam, gió theo hướng đông bắc và hướng địa hình núi.
- Câu 10:** Phần lãnh thổ phía Bắc nước ta có thành phần thực vật cận nhiệt chủ yếu do tác động của
- A. nhiệt độ về mùa đông hạ thấp, địa hình vùng đồi núi rộng, vị trí địa lí.
B. vị trí địa lí, địa hình, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.
C. địa hình, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, đất đa dạng.
D. những lưu vực sông có diện tích rộng, gió mùa Đông Bắc, các núi cao.
- Câu 11:** Cho bảng số liệu:

LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HÀ NỘI VÀ HUẾ

(Đơn vị: mm)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	18,6	26,2	43,8	90,1	188,5	230,9	288,2	318,0	265,4	130,7	43,4	23,4
Huế	161,3	62,6	47,1	51,6	82,1	116,7	95,3	104,0	473,4	795,6	580,6	297,4

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không đúng** về chế độ mưa của Hà Nội và Huế?

A. Tháng có mưa lớn nhất ở Hà Nội là tháng VIII, ở Huế tháng X.

B. Tháng có mưa nhỏ nhất ở Hà Nội là tháng I, ở Huế tháng III.

C. Lượng mưa của tháng mưa lớn nhất ở Huế gấp hai lần Hà Nội.

D. Mùa mưa ở Hà Nội từ tháng V - X, ở Huế từ tháng VIII - I.

Câu 12: Nguyên nhân chủ yếu làm cho thủy sản chết hàng loạt ở vùng biển miền Trung nước ta trong năm 2016 là

A. biến đổi khí hậu.

B. đánh bắt hủy diệt.

C. chất thải công nghiệp.

D. thiên tai xảy ra liên tiếp.

Câu 13: Để hạn chế xói mòn trên đất dốc ở vùng đồi núi cần thực hiện biện pháp kỹ thuật canh tác nào sau đây?

A. Ngăn chặn du canh, du cư.

B. Áp dụng biện pháp nông - lâm kết hợp.

C. Bảo vệ rừng và đất rừng.

D. Làm ruộng bậc thang, đào hồ vẫy cá.

Câu 14: Khu vực nào sau đây ở nước ta có tỉ lệ lao động thất nghiệp cao nhất?

A. Đồi trung du.

B. Cao nguyên.

C. Thành thị.

D. Nông thôn.

Câu 15: Phát biểu nào sau đây đúng với dân cư ở vùng đồng bằng nước ta?

A. Tỉ suất sinh cao hơn miền núi.

B. Có rất nhiều dân tộc ít người.

C. Mật độ dân số nhỏ hơn miền núi.

D. Chiếm phần lớn số dân cả nước.

Câu 16: Nước ta có thành phần dân tộc đa dạng chủ yếu do

A. lịch sử định cư và khai thác lãnh thổ từ sớm.

B. có nền văn hóa đa dạng giàu bản sắc dân tộc.

C. là nơi gặp gỡ nhiều luồng di cư lớn trong lịch sử.

D. tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của thế giới.

Câu 17: Cho bảng số liệu:

TỔNG SỐ DÂN VÀ SỐ DÂN THÀNH THỊ CỦA MỘT SỐ TỈNH, NĂM 2021

(Đơn vị: nghìn người)

Tỉnh	Hải Dương	Bắc Giang	Khánh Hòa	Đồng Tháp
Số dân	1 807,5	1 691,8	1 232,4	1 693,3
Số dân thành thị	456,8	194,5	555,0	300,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tỉ lệ dân thành thị trong dân số của các tỉnh năm 2021?

A. Hải Dương thấp hơn Đồng Tháp.

B. Đồng Tháp cao hơn Bắc Giang.

C. Bắc Giang cao hơn Khánh Hòa.

D. Khánh Hòa thấp hơn Hải Dương.

Câu 18: Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ TỈNH NĂM 2021

(Đơn vị: nghìn người)

Tỉnh	Thái Bình	Phú Yên	Kom Tum	Đồng Tháp
Số dân	1793	910	535	1 993

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô dân số của một số tỉnh nước ta, năm 2021, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Đường.

B. Kết hợp.

C. Cột.

D. Tròn.

PHẦN II: CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1. Đọc đoạn thông tin và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a), b), c), d) sau đây.

Việt Nam nằm ở phía đông nam của châu Á, trên bán đảo Đông Dương. Phần đất liền nước ta giới hạn từ vĩ độ 8°34'B đến vĩ độ 23°23'B và từ kinh độ 102°09'Đ đến kinh độ 109°28'Đ. Trên Biển Đông, vùng biển nước ta kéo dài từ khoảng vĩ độ 6°50'B và kinh độ 101°Đ đến khoảng kinh độ 117°20'Đ.

a) Nước ta nằm hoàn toàn ở nửa cầu Bắc.

- b) Lãnh thổ phần đất liền nước ta kéo dài trên 17 vĩ độ.
 c) Vị trí địa lí tạo thuận lợi cho nước ta phát triển tổng hợp kinh tế biển.
 d) Vị trí địa lí và hình dáng lãnh thổ đã làm sông ngòi nước ta phần lớn sông nhỏ, nhiều nước, thủy chế theo mùa.

Câu 2: Cho bảng số liệu

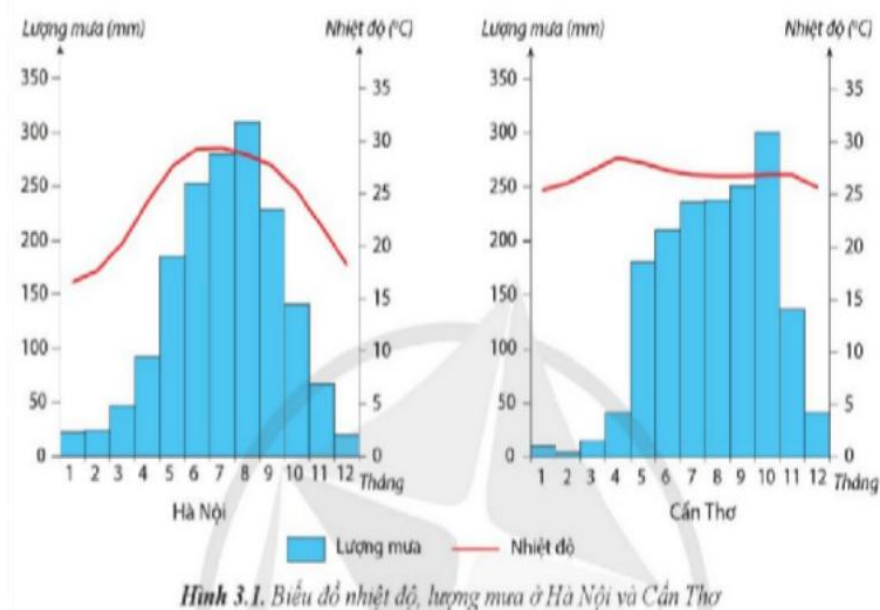
Nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7 tại một số địa điểm ở nước ta năm 2022
 (Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình năm	Nhiệt độ trung bình tháng 1	Nhiệt độ trung bình tháng 7
Hà Nội	25,0	18,6	30,6
Huế	25,1	21,6	29,1
Cà Mau	27,8	27,1	27,9

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2022, NXB thống kê Việt Nam, 2023)

- a) Nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội thấp hơn Huế.
 b) Nhiệt độ trung bình tháng 1 tăng dần từ Bắc vào Nam.
 c) Cà Mau có biên độ nhiệt năm cao nhất.
 d) Biên độ nhiệt năm giảm dần từ Bắc vào Nam do ảnh hưởng của vị trí địa lí, gió mùa, hình dáng lãnh thổ và địa hình.

Câu 3: Cho biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa ở Hà Nội và Cần Thơ:



- a) Hà Nội có biên độ nhiệt nhỏ hơn Cần Thơ.
 b) Cần Thơ có mùa khô sâu sắc hơn Hà Nội.
 c) Hà Nội có một số tháng nhiệt độ dưới 20°C là do ảnh hưởng của gió Tín phong bán cầu Bắc.
 d) Hà Nội có mùa khô ít sâu sắc hơn là do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc vào cuối mùa đông.

Câu 4: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH RỪNG NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1943 – 2021

Năm	1943	2010	2021
Chỉ tiêu			
Tổng diện tích rừng (triệu ha)	14,3	13,4	14,7
- Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha)	14,3	10,3	10,1

- Diện tích rừng trồng (triệu ha)	0	3,1	4,6
Độ che phủ (%)	43,0	39,5	42,0

(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2022)

- a) Tổng diện tích rừng tăng qua các năm.
b) Diện tích rừng nước ta chủ yếu là rừng tự nhiên.
c) Diện tích rừng nước ta tăng chủ yếu là do tăng diện tích rừng trồng.
d) Để thể hiện diện tích rừng tự nhiên dạng biểu đồ tròn thích là hợp nhất.

PHẦN III: CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Nếu trên đỉnh núi Phanxipăng (3143m) có nhiệt độ là 2,0°C thì theo quy luật đai cao, nhiệt độ ở chân núi sườn đón gió là (kết quả làm tròn một chữ số thập phân)

Câu 2: Dựa vào bảng số liệu sau:

Các điểm cực trên đất liền của nước ta	
Điểm cực	Vĩ độ
Bắc	23°23'B
Nam	8°34'B

Từ Bắc vào Nam, phần đất liền nước ta kéo dài khoảng bao nhiêu vĩ độ? (Làm tròn kết quả đến đơn vị độ vĩ)

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình năm của Hà Đông (Hà Nội) và Vũng Tàu

(Đơn vị: °C)

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình năm
Hà Đông	23,7
Vũng Tàu	27,1

(Nguồn: SGK Địa lí 12, Chân trời sáng tạo, NXB Giáo dục, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên cho biết: Vũng Tàu và Hà Đông có chênh lệch nhiệt độ trung bình năm là bao nhiêu? (kết quả làm tròn một chữ số thập phân)

Câu 4: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng I và tháng VII tại Hà Nội

(Đơn vị: °C)

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng I	Nhiệt độ trung bình tháng VII
Hà Nội	16,6	29,4

(Nguồn: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số liệu ĐKTN dùng trong xây dựng – QCVN 02- 2021/BXD)

Dựa vào bảng số liệu trên cho biết: biên độ nhiệt trung bình năm của Hà Nội là bao nhiêu? (kết quả làm tròn một chữ số thập phân)

Câu 5: Năm 2021, diện tích nước ta là 331 134,5 km², trong đó diện tích rừng là 14 790,1 nghìn ha, cho biết độ che phủ rừng là bao nhiêu phần trăm? (kết quả làm tròn một chữ số thập phân)

(Theo Tổng cục thống kê năm 2022)

Câu 6: Cho diện tích và dân số của Bắc Trung Bộ năm 2021 lần lượt là 51,2 nghìn km² và 11,2 triệu người. Vậy mật độ dân số của Bắc Trung Bộ năm 2021 là bao nhiêu người/ km²? (làm tròn đến hàng đơn vị)

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN GIẢI

PHẦN I: CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

1.A	2.A	3.B	4.B	5.C	6.D	7.A	8.A	9.D	10.C
11.C	12.C	13.D	14.C	15.D	16.C	17.B	18.C		

PHẦN II: CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu	1	2	3	4
Đáp án	ĐSĐĐ	ĐĐSĐ	ĐSSĐ	SĐĐS

PHẦN III: CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	20,9	15	3,4	12,8	44,7	217

